

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẬP MÁY HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2009

Đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 34 Thiên Lô - Nghĩa Xá - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (0313) 856.209

Fax: (0313) 785 759

Mục lục	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 19



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Điện nước Lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 ngày 21/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/5/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HAI PHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HEWMAC

Vốn điều lệ: 16.050.950.000 VND

Trong đó vốn thực góp của cổ đông tại ngày 31/12/2009 là 16.050.950.000 VND. Chi tiết:

Stt	Tên cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Cổ đông là Nhà nước	8.415.000.000	52,43%
2	Cổ đông khác	7.635.950.000	47,57%
	Cộng	16.050.950.000	100,00%

Trụ sở chính: Số 34 Đường Thiên Lôi - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

2. Ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất dây cáp điện các loại; Kinh doanh điện nông thôn;
- Lắp điện, nước, lắp máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, công công, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, bất động sản;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà đô thị;
- Kinh doanh vật tư, hàng hoá, máy móc thiết bị phục vụ ngành công nghiệp, năng lượng, xây dựng và giao thông;
- Sản xuất kết cấu thép, các khung nhà tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường thủy, bộ; Dịch vụ du lịch;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện hệ thống công trình xây dựng: Trang trí nội - ngoại thất;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng công trình cấp nước; thoát nước, xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế đến 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống; Xây dựng công trình bưu điện, viễn thông, công trình đê kè, cầu tàu, bến cảng, cầu cống; Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công trình năng lượng;
- Truyền tải và phân phối điện.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Duyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Điều	Phó chủ tịch
Ông Phạm Thanh Viện	Ủy viên
Ông Đỗ Huy Đạt	Ủy viên
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên
Ông Dương Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Huy Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Điều	Phó Tổng Giám đốc

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC), là Đơn vị có đủ năng lực, được lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Đỗ Huy Đạt



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 3930 4281

Email: aisc@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số: 912109-CP/BCKT- AISHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2009

của Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (sau đây được viết tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, thu thập các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét, đánh giá tính tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng; các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho những nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thanh Huế

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV



Giám đốc

Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3752 0048

Email: aishn@hvu.vn.vn

Branch in Đà Nẵng : 92 A Quang Trung St, Hải Châu Dist, Đà Nẵng

Tel : (0511) 389 5619

Fax : (0511) 389 5620

Email: aiscdang@ang.vni.vn

Representative in Cần Thơ : 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Tel : (0710) 3813 004

Fax : (0710) 3828 755

Representative in Hải Phòng : 21 Lương Khánh Thiên St, Ngô Quyền Dist, Hải Phòng

Tel : (031) 3920 797

Fax : (031) 3920 973

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.729.623.448	18.880.855.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.421.856.374	1.535.662.368
1. Tiền	111	V.01	2.421.856.374	1.535.662.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.075.000.000	1.281.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.075.000.000	1.281.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.537.993.005	7.667.882.008
1. Phải thu khách hàng	131		11.908.304.014	3.793.112.546
2. Trả trước cho người bán	132		343.456.156	3.699.673.931
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	286.232.835	175.095.531
IV. Hàng tồn kho	140		4.739.435.368	5.343.924.810
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4.739.435.368	5.343.924.810
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.955.338.701	3.052.386.202
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		760.413.883	394.274.654
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	167.283.815
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.194.924.818	2.490.827.733
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.421.369.944	24.273.069.067
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		24.921.369.944	20.773.069.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	19.973.782.706	5.521.566.028
- Nguyên giá	222		30.464.190.612	13.471.136.333
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.490.407.906)	(7.949.570.305)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	4.947.587.238	15.251.503.039
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.500.000.000	3.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.500.000.000	3.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.150.993.392	43.153.924.455

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.692.177.151	29.829.242.816
I. Nợ ngắn hạn	310		24.996.491.032	22.064.247.465
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	4.437.000.000	770.000.000
2. Phải trả người bán	312		3.773.877.288	443.056.578
3. Người mua trả tiền trước	313		3.098.338.689	6.856.224.120
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	967.709.380	473.702.478
5. Phải trả công nhân viên	315		76.143.721	50.102.482
6. Chi phí phải trả	316	V.17	9.113.113.907	5.617.787.531
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	3.505.969.904	7.947.907.669
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.338.143	(94.533.393)
II. Nợ dài hạn	330		9.695.686.119	7.764.995.351
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	9.626.312.887	7.737.503.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		69.373.232	27.492.351
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.458.816.242	13.324.681.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	20.458.816.242	13.324.681.639
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.050.950.000	10.807.300.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.446.021.325	979.408.186
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		250.195.416	129.767.496
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.711.649.501	1.408.205.957
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.150.993.392	43.153.924.455

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ HỮU CẢNH

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2010
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ HUY ĐẠT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2009

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2009 VND	NĂM 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	54.193.696.250	51.476.514.862
2. Các khoản giảm trừ	03		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		54.193.696.250	51.476.514.862
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	49.470.708.556	47.374.050.627
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.722.987.695	4.102.464.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	556.347.300	639.001.642
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	351.336.630	111.345.749
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		102.048.526	111.345.749
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.957.169.562	1.383.057.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.970.828.803	3.247.062.645
11. Thu nhập khác	31		63.641.883	99.233.545
12. Chi phí khác	32		62.800.000	8.705.371
13. Lợi nhuận khác	40		841.883	90.528.174
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.971.670.686	3.337.590.819
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	260.021.185	470.048.458
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.711.649.501	2.867.542.361
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.33	1.801	2.653

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ HỮU CẢNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HUY ĐẠT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.971.670.686	3.337.590.819
2. Điều chỉnh cho các khoản			0	0
- Khấu hao TSCĐ	02		2.540.837.601	1.421.915.230
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(315.000.000)	(315.000.000)
- Chi phí lãi vay	06		102.048.526	111.345.749
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		5.299.556.813	4.555.851.798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(7.406.924.267)	(5.293.273.094)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		604.489.442	(3.141.885.406)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		853.627.970	14.026.539.022
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(366.139.229)	45.843.636
- Tiền lãi vay đã trả	13		(604.402.421)	(95.433.581)
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(1.695.546.755)	(2.446.168.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(3.315.338.448)	7.651.473.503
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.048.008.433)	(13.135.909.381)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(270.000.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		561.000.000	150.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		315.000.000	315.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.442.008.433)	(12.670.909.381)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.243.650.000	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.825.333.664	6.238.538.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.269.523.777)	(1.280.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(155.919.000)	(779.595.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.643.540.887	4.178.943.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		886.194.006	(840.492.878)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	VI.1	1.535.662.368	2.376.155.246
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	2.421.856.374	1.535.662.368

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ HỮU CẢNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HUY ĐẠT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty Điện nước Lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 ngày 21/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/5/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: HAI PHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HEWMAC

Vốn điều lệ: 16.050.950.000 VND

Trong đó vốn thực góp của cổ đông tại ngày 31/12/2009 là 16.050.950.000 VND. Chi tiết:

Stt	Tên cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ trên vốn điều lệ
1	Cổ đông là Nhà nước	8.415.000.000	52,43%
2	Cổ đông khác	7.635.950.000	47,57%
	Cộng	16.050.950.000	100,00%

Công ty có một (01) Công ty con với tỷ lệ vốn chiếm 100% vốn Điều lệ là: Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng. Tại thời điểm 31/12/2009, vốn điều lệ của Công ty con là: 3.500.000.000 đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

Công ty và Công ty con có cùng trụ sở chính: Số 34 Đường Thiên Lôi - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

2- Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính 2008 lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh điện nông thôn và xây lắp các công trình công nghiệp.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất dây cáp điện các loại; Kinh doanh điện nông thôn;
- Lắp điện, nước, lắp máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị, bất động sản;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà đô thị;
- Kinh doanh vật tư, hàng hoá, máy móc thiết bị phục vụ ngành công nghiệp, năng lượng, xây dựng và giao thông;
- Sản xuất kết cấu thép, các khung nhà tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông đúc sẵn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách đường thuỷ, bộ; Dịch vụ du lịch;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện hệ thống công trình xây dựng: Trang trí nội - ngoại thất;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng công trình cấp nước; thoát nước; xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế đến 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống; Xây dựng công trình bưu điện, viễn thông, công trình đê kè, cầu tàu, bến cảng, cầu cống; Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công trình năng lượng;
- Truyền tải và phân phối điện.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa, đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính này bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi

ATLI
NHÀ
TY T
TOA
VU T
HỒ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

Công ty phân bổ giá trị của khoản chi phí trả trước ngắn hạn theo thời gian sử dụng ước tính là 12 tháng

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành của từng hạng mục công trình. Mặc khác, Công ty đang áp dụng chế độ giao khoán các công trình xây dựng mà Công ty ký hợp đồng cho các tổ, đội sản xuất theo tỷ lệ thích hợp. Công ty thực hiện hạch toán chi phí trên cơ sở chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ tập hợp từ các tổ đội (không vượt quá tỷ lệ giao khoán). Trường hợp, chứng từ chưa tập hợp kịp thời, Công ty sẽ tạm trích chi phí để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và giá vốn trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Hàng năm, doanh thu cung cấp điện được ghi nhận theo kỳ từ ngày 15 tháng này đến ngày 15 tháng sau, riêng khu vực An Đồng được ghi nhận theo kỳ từ ngày 27 tháng này đến 27 tháng sau.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh các khoản thu lãi tiền gửi, tiền cho vay và phần lợi nhuận (trước thuế) từ việc đầu tư vào Công ty con (Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng) trong kỳ kế toán năm.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai (2) năm kể từ khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần và được giảm 50% trong hai năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 - Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	66.228.989	65.736.901
Tiền gửi ngân hàng	2.355.627.385	1.469.925.467
Cộng	2.421.856.374	1.535.662.368

2. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	1.075.000.000	1.281.000.000
<i>Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng (Công ty con)</i>	850.000.000	850.000.000
<i>Cho vay các cá nhân (*)</i>	225.000.000	431.000.000
Cộng	1.075.000.000	1.281.000.000

(*): Đây là các khoản Công ty cho vay với các tổ, đội sản xuất ngoài phần khoán và cho vay với cá nhân bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn nộp thừa	0	125.217
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.236.246	288.901
Phí kiểm toán phải thu Cấp điện	0	66.000.000
Phải thu Cty TNHH Cấp điện Hải Phòng	258.600.751	72.285.575
Phải thu khác	26.395.838	36.395.838
Cộng	286.232.835	175.095.531

4 - Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.378.000	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.493.979.253	5.073.228.200
Hàng hóa	238.078.115	270.695.610
Cộng	4.739.435.368	5.343.924.810

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư tại 01/01/2009	678.796.134	11.986.886.767	565.409.182	240.044.250	13.471.136.333
Mua trong năm	0	0	0	14.000.000	14.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	293.099.554	16.685.954.725	0	0	16.979.054.279
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Số dư tại 31/12/2009	971.895.688	28.672.841.492	565.409.182	254.044.250	30.464.190.612
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ					
Số dư tại 01/01/2009	391.061.759	6.988.642.280	329.822.016	240.044.250	7.949.570.305
Khấu hao trong năm	81.692.790	2.364.521.061	94.234.860	388.890	2.540.837.601
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Số dư tại 31/12/2009	472.754.549	9.353.163.341	424.056.876	240.433.140	10.490.407.906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI CỦA TSCĐ					
Số dư tại 01/01/2009	287.734.375	4.998.244.487	235.587.166	0	5.521.566.028
Số dư tại 31/12/2009	499.141.139	19.319.678.151	141.352.306	13.611.110	19.973.782.706

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.733.370.828 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay là: 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 34 Thiên Lô - Nghĩa Xá - Lê Chân - Hải Phòng

Tel: (031) 3856 209

Fax: (031) 3785 759

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Bộ phận nắn kéo, máy bọc cáp	40.000.000	40.000.000
Khu đất 3,4 ha An Tràng	82.960.551	82.960.551
Công trình điện đường 208 An Dương	311.216.384	535.402.709
Công trình cải tạo lưới điện huyện Vĩnh Bảo (7 xã)	4.513.410.303	14.592.189.779
Văn phòng quản lý điện xã Tân Hưng	0	950.000
Cộng	4.947.587.238	15.251.503.039

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.186.000.000	0
Bà Bùi Thanh Thủy	654.000.000	0
Bà Lại Thị Vinh	800.000.000	0
Bà Trần Thị Ngọc Mai	32.000.000	0
Bà Hoàng Thị Thành	700.000.000	0
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.251.000.000	770.000.000
Vay Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hải Phòng	2.251.000.000	770.000.000
Cộng	4.437.000.000	770.000.000

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	232.543.466	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	730.069.623	470.048.458
Thuế thu nhập cá nhân	5.096.291	3.654.020
Cộng	967.709.380	473.702.478

17- Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình xây dựng và xây lắp (*)	8.850.113.906	5.341.289.905
Trích trước tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát	47.000.001	38.509.626
Trích trước tiền điện	216.000.000	175.000.000
Trích lương tháng 13	0	62.988.000
Cộng	9.113.113.907	5.617.787.531

(*): Trích trước chi phí của một số công trình chưa tập hợp đủ chi phí đầu vào theo tỷ lệ khoán quy định trong hợp đồng khoán giữa Công ty và Xí nghiệp xây lắp tại thời điểm cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	19.212.482	0
Bảo hiểm y tế	197.491	172.381
Phải trả về cổ phần hóa	0	644.696.215
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	300.000.000
Vốn huy động dự án điện nông thôn giai đoạn 3	0	3.550.218.680
Cổ tức phải trả	0	1.159.550.535
Dung - Xí nghiệp xây dựng	85.000.000	0
Các khoản phải trả khác	3.401.559.931	2.293.269.858
Cộng	3.505.969.904	7.947.907.669

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay dài hạn	9.626.312.887	7.737.503.000
<i>Vay ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Hải Phòng</i>	<i>9.626.312.887</i>	<i>7.737.503.000</i>
Cộng	9.626.312.887	7.737.503.000

22- Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	10.807.300.000	359.649.104	50.084.185	2.230.131.129	13.447.164.418
Lãi trong năm	0	0	0	2.867.542.361	2.867.542.361
Tặng khác	0	0	0	7.629.171	7.629.171
Trích quỹ trong năm	0	619.759.082	79.683.311	0	699.442.393
Phân phối lợi nhuận trong năm	0	0	0	(3.697.096.704)	(3.697.096.704)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	10.807.300.000	979.408.186	129.767.496	1.408.205.957	13.324.681.639
Tặng vốn trong năm nay	5.243.650.000	0	0	0	5.243.650.000
Lãi trong năm nay	0	0	0	2.711.649.501	2.711.649.501
Tặng khác	0	0	0	0	0
Trích quỹ trong năm	0	466.613.139	120.427.920	0	587.041.059
Phân phối lợi nhuận trong năm	0	0	0	(1.408.205.957)	(1.408.205.957)
Số dư cuối năm	16.050.950.000	1.446.021.325	250.195.416	2.711.649.501	20.458.816.242

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	8.415.000.000	5.610.000.000
Vốn góp khác	7.635.950.000	5.197.300.000
Tổng cộng	16.050.950.000	10.807.300.000

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu: Không
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.807.300.000	10.807.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	5.243.650.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	16.050.950.000	10.807.300.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	1.408.205.957	3.697.096.704

d- Cổ phiếu

	31/12/2009	01/01/2009
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.605.095	1.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.605.095	1.080.730
+ Cổ phiếu phổ thông	1.605.095	1.080.730
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.605.095	1.080.730
+ Cổ phiếu phổ thông	1.605.095	1.080.730
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển:	1.446.021.325	979.408.186
Quỹ dự phòng tài chính:	250.195.416	129.767.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ và xây lắp	54.193.696.250	51.476.514.862
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	173.855.000	385.518.571
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.359.239.605	19.066.928.430
Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.660.601.645	32.024.067.861

27- Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hoạt động bán hàng	149.786.000	392.358.260
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.348.242.560	15.876.801.055
Giá vốn hợp đồng xây dựng	22.972.679.996	31.104.891.312
Cộng	49.470.708.556	47.374.050.627

29 - Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	241.347.300	324.001.642
Cổ tức, lợi nhuận được chia ⁽¹⁾	315.000.000	315.000.000
Cộng	556.347.300	639.001.642

⁽¹⁾ Đây là thu nhập nhận được từ Công ty con (Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng) và Ông Nguyễn Hữu Điều theo hợp đồng giao, nhận vốn sản xuất kinh doanh số 114-06/HĐGK và Phụ lục hợp đồng giao, nhận khoản vốn sản xuất kinh doanh ngày 01/6/2006.

30- Chi phí tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	102.048.526	111.345.749
Chi phí tài chính khác	249.288.104	0
Cộng	351.336.630	111.345.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	260.021.185	470.048.458
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>260.021.185</u>	<u>470.048.458</u>
Cộng		

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ khi chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần và được giảm 50% trong hai năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế TNDN.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.711.649.501	2.867.542.361
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác nhận lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.711.649.501	2.867.542.361
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.505.968	1.080.730
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.801</u>	<u>2.653</u>

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

3- Thông tin về các bên liên quan

❖ Thông tin chung về các bên liên quan

• Công ty con

- Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 34, đường Thiên Lôi, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

❖ **Các giao dịch chủ yếu với Công ty TNHH Cấp điện Hải Phòng**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số tiền
- Cho vay vốn lưu động	
Số dư tại ngày 01/01/2009	850.000.000
Số tiền cho vay trong năm	0
Số tiền thu hồi trong năm	0
Số dư tại ngày 31/12/2009	850.000.000
- Tiền mua bán hàng hóa và tiền lãi vay	
Số dư phải trả tại ngày 01/01/2009	1.230.233.118
Phải trả tăng trong năm	1.991.780.989
<i>Tiền mua cáp điện</i>	<i>1.952.804.828</i>
<i>Lãi trả chậm tiền hàng</i>	<i>38.976.161</i>
Phải trả giảm trong năm	2.194.675.675
<i>Lãi vay vốn</i>	<i>97.006.249</i>
<i>Lãi khoán vốn</i>	<i>315.000.000</i>
<i>Tiền được thanh toán</i>	<i>1.782.669.426</i>
Số dư phải trả tại ngày 31/12/2009	1.027.338.432

Tiền mua hàng trong năm đã bao gồm cả thuế VAT.

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp.Hồ Chí Minh (AISC), có phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày Báo cáo tài chính theo thông tư số 224/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

6- Tình hoạt động liên tục

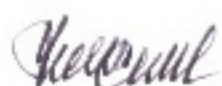
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh

Tổng Giám đốc



Đỗ Huy Đạt